

THÔN ĐÔNG THUẬN
BIỂU THỐNG KÊ THIẾT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP SAU BẢO SỐ 5

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)		Cây lâm nghiệp				Kinh phí hỗ trợ thiệt hại
				Diện tích mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác		Diện tích trên 1/2 chu kỳ khai thác		
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
1	Nguyễn Đình Sáu	723	311		600			1.118.500
2	Nguyễn Trí Nguyệt	400	300					550.000
3	Cao Đức Thông	958	411					1.163.500
4	Cao Văn Thịnh	810					1800	2.160.000
5	Cao Văn Mạo	822					3000	3.072.000
6	Lê Ngọc Thắng	1.050	450		1500			1.875.000
7	Cao Văn Tiểu	260	112		600			556.000
8	Cao Văn Long	805	346					978.000
9	Phan Xuân Kiêm	455	196		450			733.000
10	Phan Xuân Hà	569	245					691.500

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)		Cây lâm nghiệp				Kinh phí hỗ trợ thiệt hại
				Diện tích mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác		Diện tích trên 1/2 chu kỳ khai thác		
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
11	Nguyễn Thị Mai	319	137					387.500
12	Nguyễn Thị Thiện	709	304					861.000
13	Phan Xuân Sơn	371	160					451.000
14	Cao Văn Oanh	350	151				750	988.000
15	Nguyễn Thị Thanh	1.494	641		800			2.134.500
16	Cao Đức Thắng	688	296					836.000
17	Nguyễn Xuân Linh	724	311					879.500
18	Cao Văn Tuấn	877	377		720			1.353.500
19	Lê Thị Thiểu	742						742.000
20	Cao Văn Liêm	1.839						1.839.000
21	Nguyễn Thị Cẩm	571	246					694.000
22	Trần Đình Chung		700					350.000

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)		Cây lâm nghiệp				Kinh phí hỗ trợ thiệt hại
				Diện tích mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác		Diện tích trên 1/2 chu kỳ khai thác		
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
23	Lê Thị Cẩm		609					304.500
24	Nguyễn Thị Từu	315	136					383.000
25	Lê Văn Đoàn	740						740.000
26	Lê Viết Tý		690		300			465.000
27	Lê Thị Mạnh	397	341					567.500
28	Cao Văn Ngụ	561	241		180			753.500
29	Cao Văn Tại	1.153	495		660			1.664.500
30	Đặng Quốc Đại		615					307.500
31	Nguyễn Văn Hợi	1.170						1.170.000
32	Nguyễn Trọng Toàn	234	101					284.500
33	Cao Thị Chấn		633					316.500
34	Cao Văn Anh	242	241					362.500

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)		Cây lâm nghiệp				Kinh phí hỗ trợ thiệt hại
				Diện tích mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác		Diện tích trên 1/2 chu kỳ khai thác		
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
35	Nguyễn Trọng Tâm	493	212					599.000
36	Cao Văn Thọ	1.018	437				1.400	2.286.500
37	Phan Xuân Hợp	492	211					597.500
38	Cao Văn Lệ	982			780			1.294.000
39	Nguyễn Đình Quốc	994	427		27000			12.007.500
40	Lê Ngọc Bảo	1.425						1.425.000
41	Phan Xuân Đại	866	372		3000			2.252.000
42	Cao Văn Nam	1.173	973		300			1.779.500
43	Cao Thanh Hà	989	429					1.203.500
44	Cao Xuân Lộc	599	257		450			907.500
45	Cao Văn Hợi	683	293					829.500
46	Phan Xuân Dân	359	154					436.000

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)		Cây lâm nghiệp				Kinh phí hỗ trợ thiệt hại
				Diện tích mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác		Diện tích trên 1/2 chu kỳ khai thác		
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
47	Nguyễn Đình Minh	1.049	450					1.274.000
48	Nguyễn Trí Thành	1.572			450			1.752.000
49	Cao Văn Tứ	301	129		920			733.500
50	Cao Thanh Hải	482	207					585.500
51	Nguyễn Đình Đại	851			450			1.031.000
52	Cao Văn Bách		464					232.000
53	Nguyễn Thị Chung		459		400			389.500
54	Cao Văn Huan- Nguyễn Thị Trang	315	135		300			502.500
55	Cao Văn Liệu	561						561.000
56	Phan Thị Châu		480					240.000
57	Trần Đình Thủy	557	239					676.500
58	Cao Văn Tuyền	1.523					2.500	3.398.000

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)		Cây lâm nghiệp				Kinh phí hỗ trợ thiệt hại
				Diện tích mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác		Diện tích trên 1/2 chu kỳ khai thác		
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
59	Nguyễn Đình Thân	1.101	473		300			1.457.500
60	Cao Văn Chương	868	372				1.800	2.404.000
61	Cao Văn Thắng	1.586	681		2420			2.894.500
62	Nguyễn Thị Sương	270	116					328.000
63	Lê Ngọc Tình				300			120.000
64	Hoàng Thị Quyết				1.800			720.000
65	Nguyễn Đình Nông				300			120.000
66	Trần Thị Cẩm				210			84.000
67	Nguyễn Thị Thắm				300			120.000
68	Trần Thị Khai				300			120.000
69	Nguyễn Trí Vĩnh				7.200			2.880.000
70	Cao Văn Tới				450			180.000

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)		Cây lâm nghiệp				Kinh phí hỗ trợ thiệt hại
				Diện tích mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác		Diện tích trên 1/2 chu kỳ khai thác		
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
71	Phan Xuân Hải				400			160.000
72	Cao Thị Ninh						280	210.000
73	Trần Đình An						4.000	3.000.000
74	Cao Văn Ty						2.400	1.800.000
75	Nguyễn Trí Phúc				1.800			720.000
76	Cao Văn Phúc				4.000			1.600.000
77	Cao Văn Thế				1.500			600.000
78	Nguyễn Văn Hải				1.200			480.000
79	Lê Ngọc Huỳnh				1.200			480.000
80	Phan Xuân Đô				198			79.200
81	Kiều Viết Tình				6.000			2.400.000
82	Cao Văn Tài				3.000			1.200.000

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)		Cây lâm nghiệp				Kinh phí hỗ trợ thiệt hại
				Diện tích mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác		Diện tích trên 1/2 chu kỳ khai thác		
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
83	Kiều Thị Thu				6.000			2.400.000
84	Cao Văn Hiếu				300			120.000
85	Nguyễn Văn Trí				825			330.000
86	Võ Văn Phụng				3.000			1.200.000
87	Nguyễn Thị Ninh				180			72.000
88	Cao Thị Hằng						3.200	2.400.000
89	Trần Thị Lâm				2.400			960.000
90	Nguyễn Hữu Quyền				210			84.000
91	Cao Văn Thái (Liễu)						4.000	3.000.000
92	Phạm Thị Hoạt						400	300.000
93	Cao Văn Quảng				450			180.000
94	Cao Văn Quế				400			160.000

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)		Cây lâm nghiệp				Kinh phí hỗ trợ thiệt hại
				Diện tích mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác		Diện tích trên 1/2 chu kỳ khai thác		
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
95	Cao Văn Thập				600			240.000
96	Kiều Thị Thiết				3.000			1.200.000
97	Nguyễn Văn Trung				4.500			1.800.000
98	Nguyễn Trọng Thìn				3.000			1.200.000
99	Cao Văn Hòa						200	150.000
100	Phan Xuân Độ				198			79.200
101	Nguyễn Đình Thọ						720	540.000
102	Cao Văn Bảy				300			120.000
103	Kiều Viết Tần				10.500			4.200.000
104	Kiều Đình Việt				1.000			400.000
105	Cao Thị Hương				400			160.000
106	Cao Văn Tý				1.750			700.000

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)		Cây lâm nghiệp				Kinh phí hỗ trợ thiệt hại
				Diện tích mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác		Diện tích trên 1/2 chu kỳ khai thác		
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
107	Nguyễn Đình Quý						920	690.000
108	Cao Văn Chuyển				150			60.000
109	Hoàng Kim Thủy				150			60.000
110	Cao Văn Hoát				1.200			480.000
111	Phan Xuân Chan (Phan Xuân Trình)				210			84.000
112	Lê Ngọc Vịnh				800			320.000
113	Kiều Thị Thắm				4.500			1.800.000
114	Kiều Thị Đông				4.500			1.800.000
115	Trần Thị Dương						600	450.000
116	Cao Văn Bảo						300	225.000
117	Phan Thị Soa				600			240.000
118	Cao Thị Liệu				600			240.000

TT	HỘ GIA ĐÌNH	Cây lúa (Sau gieo trồng trên 45 ngày)		Cây lâm nghiệp				Kinh phí hỗ trợ thiệt hại
				Diện tích mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác		Diện tích trên 1/2 chu kỳ khai thác		
		Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	Thiệt hại trên 70% diện tích	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	
119	Nguyễn Đình Ân				150			60.000
120	Lê Ngọc Thiết				3.000			1.200.000
121	Cao Văn Chung			840			360	942.000
122	Phan Xuân Độ				210			84.000
	TỔNG	41.457	17.766		127.821		28.630	122.940.900